CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***988 774***	***288 184***	***700 589***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**169 647**	**22 285**	**147 363**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***31 493***	***22 285***	***9 209***			
1		ĐT TM&DV	03/6	852/6	13/6	BN 2022	CỤC XỐ 1C	1 030	1 027	3	04/6	TD	
2		COALIMEX	02/6	846/6	12/6	QN 8265	CÁM 5A.1	1 973	1 960	13	04/6	PTCB	
3		THẮNG CƯỜNG	04/6	856/6	14/6	HN 2068	CỤC 4A.1	1 240	1 233	7	04/6		
4		KDT THANH HÓA	04/6	855/6	14/6	BÌNH MINH 39	CÁM 5A.1	4 500	4 390	110	04/6	PTCB	
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	31/5	837/5		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	13 675	9 075	RÓT DỞ		
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***138 154***		***138 154***			
1		V TRACO	04/6	822/5	14/6	BN 1799	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		VTT	04/6	828/5	14/6	BN 1856	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		ĐIỆN NGHI SƠN	20/5	776/5		VINACOMIN 05	CÁM 5A.10	3 150		3 150			
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	28/5	813/5		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.14	20 000		20 000			
5		ĐIỆN NGHI SƠN	31/5	833/5		HẢI NAM 19	CÁM 5A.10	4 850		4 850			
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	31/5	836/5		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700		20 700			
7		ĐIỆN DUYÊN HẢI	31/5	840/5		VIỆT THUẬN 215-07	CÁM 6A.14	20 800		20 800			
8		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	01/6	842/6	11/6	NB 8787	CÁM 5A.10	7 094		7 094			
9		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	01/6	843/6	11/6	THUẬN ANH 03 (NB 6383)	CÁM 5A.10	5 038		5 038			
10		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	01/6	844/6	11/6	TĐ MINH KHÔI 02 (HD-8998)	CÁM 5A.10	5 616		5 616			
11		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	03/6	851/6		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	24 900		24 900			THAY 839/5
12		COALIMEX	04/6	857/6	14/6	HP 4882	CÁM 5A.1	1 256		1 256		PTCB	
13		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/6	858/6		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 750		22 750			
	Tàu chuyển tải							**159 350**	**67 885**	**91 465**			
	Tàu đang làm hàng							***91 650***	***67 885***	***23 765***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/5	814-B/5		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 5A.14	23 300	23 166	134	04/6		CLM: 23.165,67
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	03/6	831-C/5		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 550	27 329	221	RÓT DỞ		TTCO: 23.929,36 - KVCP: 3.550
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/6	850/6		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	14 696	6 004	RÓT DỞ		TTHG: 16.000 - KVCP: 4.700
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	31/5	838/5		VIỆT THUẬN 189	CÁM 5A.14	20 100	2 694	17 406	RÓT DỞ		KDTCP: 10.000 - CLM: 10.100
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***67 700***		***67 700***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	31/5	832/5		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000			TTHG: 18.000 - KVCP: 5.000
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	04/6	854/6		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.14	20 500		20 500			TTHG: 6.000 - CLM: 6.000 - KVCP: 8.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	04/6	859/6		HPS-01	CÁM 6A.14	24 200		24 200			KDTCP: 5.000 - KVCP: 9.200 - CLM: 5.000 - KVĐB:

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
II	**KHO CẢNG HC-MD**							**24 403**	**9 944**	**14 459**			
	Tàu đã làm hàng							***11 633***	***9 944***	***1 689***			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	03/6	130/6	13/6	BN 1746	Cám 7B	1 000	991	9	04/6	PT	
2		KDT CẦU ĐUỐNG	03/6	136/6	13/6	BN 2203	Cám 7B	1 560	1 531	29	04/6	PT	
3		KDT HẢI PHÒNG	01/6	1665/5	11/6	HD 8789	Cám 7C	2 347	2 237	110	04/6	PT	Gia hạn L1
4		THAN S.HỒNG	04/6	145/6	14/6	BN 2267	Cám 8A	1 000	984	16	05/6	TD	
5		KDT CẦU ĐUỐNG	04/6	176/6	14/6	BN 2025	Cám 7B	1 330	1 321	9	04/6	PT	Thay 84/6
6		XNK THAN	04/6	157/6	14/6	BN 2293	Cám 8B	1 645	1 282	363	RÓT DỞ	PT	
7		CP VT THUỶ	02/6	61/6	12/6	BN 1809	Cục xô 1B	1 066	251	815	RÓT DỞ	TD	Thay 58/4
8		KDT CẦU ĐUỐNG	02/6	57/6	12/6	BN 2518	Cám 6b.1	1 685	1 347	338	RÓT DỞ	PT	
	Tàu đã làm lệnh							***12 770***		***12 770***			
1		ĐT THƯƠNG MẠI	01/6	1695/5	11/6	BN 1459	Cục xô 1B	1 000		1 000		TD	Gia hạn
2		KDT HÀ BẮC	01/6	1689/5	11/6	BN 2558	Cám 6a.1	1 940		1 940		PT	Gia hạn
3		KDT CẦU ĐUỐNG	01/6	1454/5	11/6	BN 2329	Cám 7B	1 500		1 500		PT	Gia hạn
4		KDT CẦU ĐUỐNG	01/6	1443/5	11/6	HD 3028	Cám 7C	2 800		2 800		PT	Gia hạn
5		KDT CẦU ĐUỐNG	02/6	84/6	12/6	BN 2025	Cám 7a	1 330		1 330		PT	
6		KDT CẦU ĐUỐNG	02/6	58/6	12/6	BN 2616	Cám 7a	1 700		1 700		PT	
7		ĐT TM&DV	03/6	128/6	13/6	BN 1789	Cám 8A	1 500		1 500		TD	
8		THAN S.HỒNG	04/6	201/6	14/6	BN 1386	Cám 8A	1 000		1 000		TD	Thay 41/5
III	**KHO KHE DÂY**							**15 465**	**7 475**	**7 990**			
	Tàu đã làm hàng							***9 985***	***7 475***	***2 510***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	01/6	1 628	11/6	QN - 4080	CÁM 5B.14	1 716	1 596	120	04/6		- GIA HẠN L1KDTCP - THAY TB 1501/5
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	01/6	31	11/6	TĐ 36 TT	CÁM 5B.14	2 250	2 225	25	04/6		KDTCP
3		HẢI PHÒNG	04/6	154	14/6	BN - 2227	CÁM 7B	1 932	958	974	dở	PT CB	CAO SƠN - THAY TB 1531/5
4		CP ĐTTM&DV	04/6	181	14/6	BN - 1866	CÁM 8B	1 487	812	675	dở	TD	CỌC SÁU - THAY TB 1813/4
5		MIỀN BẮC	04/6	161	14/6	BN - 0739	CÁM 7B	1 200	1 072	128	dở	PT CB	CỌC SÁU
6		MIỀN BẮC	04/6	162	14/6	BN - 2189	CÁM 7C	1 400	812	588	dở	PT CB	CỌC SÁU
	Tàu đã làm lệnh							***5 480***		***5 480***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	01/6	32	11/6	QN - 1659	CÁM 5B.14	1 500		1 500			KDTCP
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/6	81	12/6	QN - 3094	CÁM 5B.14	1 620		1 620			KDTCP
3		MIỀN BẮC	04/6	163	14/6	BN - 0959	CÁM 7C	1 360		1 360		PT CB	CỌC SÁU
4		XD CN MỎ	04/6	202	14/6	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐÈO NAI
IV	**KHO BẢO NGUYÊN**							**2 564**	**2 564**	**1**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng							***2 564***	***2 564***	***1***			
1		ĐIỆN LỰC DK HÀ TĨNH		3531		AN HƯNG 88	CÁM 5A.14	2 564	2 564	1	04/6		
	Tàu đã làm lệnh												
V	**KHO CẢNG KM6**							**43 122**	**12 874**	**30 248**			
	Tàu đã làm hàng							***14 348***	***12 874***	***1 474***			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	03/6	131	13/6	BN 2112	Cám 6b.1	1 200	1 194	6	04/6	CBPT	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	04/6	3555		HD 3965	Cám 6a.1	5 400	5 393	7	04/6		
3		KDT MIỀN BẮC	04/6	149	14/6	HP 5795	Cám 6b.1	5 068	5 049	19	04/6	CBPT	
4		KDT HÀ NAM NINH	01/6	1659	11/6	HY 0568	Cám 5b.1	2 680	1 238	1 442	DỠ	CBPT	GIA HẠN L1
	Tàu đã làm lệnh							***28 774***		***28 774***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	02/6	1660	12/6	THANH BÌNH 05	Cám 5b.1	3 050		3 050		CBPT	GIA HẠN L1
2		KDT MIỀN BẮC	02/6	89	12/6	NB 8619	Cám 5b.1	3 000		3 000		CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	03/6	105	13/6	BN 1988	Cám 7b	1 400		1 400		CBPT	
4		KDT MIỀN BẮC	03/6	106	13/6	BN 1589	Cám 7b	1 620		1 620		CBPT	
5		KDT THANH HÓA	04/6	146	14/6	VTT 37	Cám 5b.1	3 200		3 200		CBPT	
6		KDT THANH HÓA	04/6	147	14/6	VTT 39	Cám 5a.1	3 500		3 500		CBPT	
7		XNK THAN - VINACOMIN	04/6	152	14/6	QN 8225	Cám 8a	1 620		1 620		CBPT	
8		KDT HẢI PHÒNG	04/6	170	14/6	HP 5902	Cám 6a.1	1 450		1 450		CBPT	
9		KDT HẢI PHÒNG	04/6	172	14/6	HP 4852	Cám 6a.1	1 350		1 350		CBPT	
10		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/6	173	14/6	HOÀNG SA 555	Cám 5a.1	3 185		3 185		CBPT	
11		KDT HẢI PHÒNG	04/6	187	14/6	BN 2638	Cám 6a.1	1 919		1 919		CBPT	
12		KDT HÀ BẮC	04/6	199	14/6	BN 1828	Cám 5a.1	2 000		2 000		CBPT	
13		KDT MIỀN BẮC	04/6	193	14/6	NB 2771	Cám 6a.1	1 480		1 480		CBPT	
VI	**CẢNG LÀNG KHÁNH**							**71 294**	**36 611**	**34 683**			
	Tàu đã làm hàng							***46 673***	***36 611***	***10 062***			
1		KDT HẢI PHÒNG	3/6	111/6/HG	13/6	HP 4845	CÁM 5A.1	1 100	1 095	5	4/6		
2		CP XNK THAN VINACOMIN	2/6	44/6/HG	12/6	QN 8705	CÁM 6A.1	3 600	3 561	39	4/6	PTCB	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	31/5	3 471		QN 7058	CÁM 6A.1	3 180	3 135	45	4/6		
4		KDT MIỀN BẮC	1/6	1468/5/HG	11/6	NB 6635	CÁM 5A.1	4 004	3 977	27	4/6	PTCB	GIA HẠN LẦN 1
5		KDT HẢI PHÒNG	4/6	110B/6/HG	14/6	HP 5925	CÁM 5B.1	1 500	1 500	1	4/6		
6		CP XNK THAN VINACOMIN	2/6	40/6/HG	12/6	QN 8589	CÁM 5B.1	4 300	4 203	97	4/6	PTCB	
7		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	3/6	124/6/HG	13/6	ITASCO 18	CÁM 6A.14	3 000	2 969	31	4/6		
8		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	4/6	165/6/HG	14/6	VTRACO 26	CÁM 6A.14	3 900	3 877	23	4/6		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		KDT HẢI PHÒNG	4/6	174/6/HG	14/6	NĐ 3488	CÁM 5B.1	3 250	1 692	1 558	DỠ		
10		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	1/6	1696/5/HG	11/6	KHÁNH MINH 68	CÁM 5A.1	2 650	1 150	1 500	DỠ	PTCB	GIA HẠN LẦN 1
11		CP XNK THAN VINACOMIN	3/6	121/6/HG	13/6	QN 8236	CÁM 5A.1	3 300	930	2 370	DỠ	PTCB	
12		KDT HẢI PHÒNG	4/6	156/6/HG	14/6	BN 2158	CÁM 5B.1	1 538	1 072	466	DỠ		
13		KDT HẢI PHÒNG	4/6	155/6/HG	14/6	BN 0979	CÁM 5B.1	1 179	680	499	DỠ		
14		CBT QUẢNG NINH	4/6	138/6/HG	14/6	QN 7535	CÁM 5B.1	1 166	685	481	DỠ		
15		CBT QUẢNG NINH	4/6	168/6/HG	14/6	QN 7618	CÁM 5B.1	1 666	1 013	653	DỠ		
16		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (VIỆT THUẬN 215-06)	3/6	3 548		VIỆT THUẬN TĐ 11	CÁM 6A.1	4 090	3 094	996	DỠ		THAY TBRT 3495 NGÀY 2/6
17		KDT HẢI PHÒNG	4/6	178B/6/HG	14/6	NĐ 3497	CÁM 5B.1	3 250	1 977	1 273	DỠ		
	Tàu đã làm lệnh							***24 621***		***24 621***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	31/5	3 471		AN HƯNG 88	CÁM 6A.1	2 564		2 564			
2		KDT THANH HÓA	1/6	1593/5/HG	11/6	QN 7893	CÁM 5A.1	1 570		1 570		PTCB	GIA HẠN LẦN 1
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	4/6	3 554		CỬA ÔNG 09	CÁM 6A.1	2 300		2 300			
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	4/6	3 554		HẠ LONG 79	CÁM 6A.1	4 450		4 450			
5		KDT MIỀN BẮC	4/6	166/6/HG	14/6	NB 6493	CÁM 7C	1 850		1 850			
6		KDT CẦU ĐUỐNG	4/6	467/6/HG	14/6	NB 6473	CÁM 7B	935		935			
7		KDT CẦU ĐUỐNG	4/6	467/6/HG	14/6	NB 6473	CÁM 6B.1	935		935			
8		KDT MIỀN BẮC	4/6	164/6/HG	14/6	BN 2332	CÁM 5B.1	1 937		1 937			
9		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	4/6	195/6/HG	14/6	KHÁNH MINH 69	CÁM 5B.1	2 200		2 200		PTCB	
10		ĐIỆN DUYÊN HẢI (QUANG VINH DIAMOND)	4/6	3 577		CỬA ÔNG 06	CÁM 6A.14	2 300		2 300			
11		ĐIỆN DUYÊN HẢI (QUANG VINH DIAMOND)	4/6	3 577		TĐ 36 CG	CÁM 6A.14	3 580		3 580			
VII	**CẢNG ĐIỀN CÔNG**							**48 461**	**21 078**	**27 383**			
	Tàu đã làm hàng							***21 301***	***21 078***	***223***			
1		DẦU KHÍ VIỆT NAM	4/6	144/6/UB	14/6	NB 6322	CÁM 5A.10	3 518	3 477	41	4/6		
2		CBT QUẢNG NINH	3/6	116/6/UB	4/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	2 000	1 991	9	4/6	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	4/6	143/6/UB	14/6	NĐ 3407	CÁM 5A.3	1 560	1 548	12	4/6	PTCB	GIA HẠN LẦN 1
4		KDT HÀ NAM NINH	4/6	141/6/UB	14/6	QN 5556	CÁM 5A.3	1 660	1 648	12	4/6	PTCB	
5		CP VT THỦY VINACOMIN	3/6	112/6/UB	13/6	BN 2115	CỤC 5B.2	1 400	1 384	16	4/6	TD	
6		CBT QUẢNG NINH	3/6	115/6/UB	4/6	Ô TÔ	CÁM 6A.3	1 000	979	21	4/6	PTCB	
7		CP XNK THAN VINACOMIN	3/6	123/6/UB	13/6	QN 6190	CỤC XÔ 1A	1 000	998	2	4/6	PTCB	
8		KDT MIỀN BẮC	1/6	1642/5/UB	11/6	BN 2079	CÁM 5B.3	1 400	1 391	9	4/6	PTCB	GIA HẠN LẦN 1
9		KDT MIỀN BẮC	3/6	1579/5/UB	13/6	HP 5806	CÁM 5B.3	5 064	5 002	62	4/6	PTCB	GIA HẠN LẦN 1
10		CP VT THỦY VINACOMIN	2/6	1373/5/UB	12/6	BN 2365	CỤC 5B.2	1 000	986	14	4/6	TD	GIA HẠN LẦN 1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
11		KDT CẨM PHẢ	3/6	125/6/UB	13/6	NB 2359	CÁM 5A.3	1 699	1 673	26	4/6	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***27 160***		***27 160***			
1		CBT QUẢNG NINH	1/6	03/6/UB	1/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	2 000		2 000		PTCB	
2		CBT QUẢNG NINH	1/6	04/6/UB	2/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	2 000		2 000		PTCB	
3		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	2/6	38/6/UB	12/6	TH 0567	CÁM 6A.3	1 139		1 139		PTCB	
4		CP THAN SÔNG HỒNG	2/6	88/6/UB	12/6	BN 1835	CỤC 4B.3	980		980		TD	
5		KDT HÀ NAM NINH	4/6	140/6/UB	14/6	HD 9196	CÁM 5A.3	2 600		2 600		PTCB	
6		KDT THANH HÓA	4/6	142/6/UB	14/6	THỊNH HẢI 02	CÁM 5A.3	3 000		3 000		PTCB	
7		CP THAN SÔNG HỒNG	4/6	1635/5/UB	14/6	BN 1858	CỤC 4B.3	1 000		1 000		TD	GIA HẠN LẦN 1
8		CP XNK THAN VINACOMIN	4/6	1556/5/UB	14/6	QN 8876	CỤC DON 8A	1 986		1 986		TD	GIA HẠN LẦN 1
9		KDT HẢI PHÒNG	4/6	175/6/UB	14/6	QN 8233	CÁM 5A.3	1 610		1 610		PTCB	
10		KDT HẢI PHÒNG	4/6	159/6/UB	14/6	HD 1875	CÁM 5A.3	1 795		1 795		PTCB	
11		KDT HẢI PHÒNG	4/6	160/6/UB	14/6	QN 8858	CÁM 5B.3	2 950		2 950		PTCB	
12		KDT THANH HÓA	4/6	200/6/UB	14/6	HN 2185 (HÙNG DŨNG 10)	CÁM 5A.3	3 100		3 100		PTCB	
13		CBT QUẢNG NINH	4/6	189/6/UB	5/6	Ô TÔ	CÁM 5B.3	2 000		2 000		PTCB	
14		CBT QUẢNG NINH	4/6	188/6/UB	5/6	Ô TÔ	CÁM 6A.3	1 000		1 000		PTCB	
VIII	**CẢNG BẾN CÂN**							**25 142**	**8 358**	**16 784**			
	Tàu đã làm hàng							***8 052***	***8 358***	***- 306***			
1		KDT MIỀN BẮC	2/6	49/6/MK	12/6	HD 5935	CÁM 7B	2 892	2 862	30	4/6	PTCB	
2		ĐIỆN HẢI DƯƠNG	3/6	139/6/MK	14/6	TĐ 06 KS	CÁM 6B.1	2 000	1 976	24	4/6		
3		ĐIỆN HẢI DƯƠNG	3/6	126/6/MK	13/6	TĐ 86-4	CÁM 6B.1	2 160	2 131	29	4/6		
4		KDT CẦU ĐUỐNG	3/6	82B/6/MK	14/6	QN 8162	CÁM 7A	1 000	1 389	- 389	4/6	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***17 090***		***17 090***			
1		ĐIỆN HẢI DƯƠNG	1/6	18/6/MK	11/6	TĐ 45-4	CÁM 6B.1	2 380		2 380			
2		CBT QUẢNG NINH	2/6	50/6/MK	12/6	QN 9368	CÁM 7B	1 184		1 184		PTCB	HUỶ
3		CBT QUẢNG NINH	3/6	104/6/MK	13/6	HD 2969	CÁM 6A.4	1 190		1 190		PTCB	HUỶ
4		KDT MIỀN BẮC	3/6	96/6/MK	13/6	HP 5915	CÁM 7C	2 376		2 376		PTCB	
5		CBT QUẢNG NINH	4/6	169/6/MK	14/6	HP 5970	CÁM 6B.4	2 260		2 260		PTCB	
6		CP XNK THAN VINACOMIN	4/6	151/6/MK	14/6	HD 1838	CÁM 6B.4	1 800		1 800		PTCB	
7		KDT MIỀN BẮC	4/6	150/6/MK	14/6	NB 6489	CÁM 6B.4	1 046		1 046		PTCB	
8		CBT QUẢNG NINH	4/6	177/6/MK	14/6	QN 9368	CÁM 6B.4	1 184		1 184			
9		CP XNK THAN VINACOMIN	4/6	198/6/MK	14/6	QN 8167	CÁM 6B.4	1 480		1 480		PTCB	
10		CBT QUẢNG NINH	4/6	194/6/MK	14/6	HD 2969	CÁM 6B.4	1 190		1 190		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
11		KDT CẦU ĐUỐNG	3/6	82B/6/MK	14/6	QN 8162	CÁM 7A	1 000		1 000		PTCB	
IX	**KHU VỰC HẢI PHÒNG**							**56 783**	**17 225**	**39 558**			
	Tàu đã làm hàng							***17 271***	***17 225***	***46***			
1		ĐẠM NINH BÌNH (KDT NINH BÌNH)	2/6	62/6/NQN	12/6	NB 8827	CÁM 5A.10	987	970	17	3/6		GIA HẠN LẦN 1
2		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 189) CPXNK THAN	2/6	3 549		CỬA ÔNG 01	CÁM 5A.14	2 300	2 290	10	4/6		THAY TBRT 3470 NGÀY 31/5
3		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	2/6	35/6/NQN	12/6	TĐ 16-1	CÁM 5A.14	2 284	2 284	1	4/6		
4		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	2/6	80/6/NQN	12/6	VTRACO 38	CÁM 5A.14	3 900	3 899	1	4/6		
5		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	1/6	28/6/NQN	11/6	THĂNG LONG 68 (HN 2386)	CÁM 6B.1	3 800	3 797	3	4/6		
6		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	2/6	36/6/NQN	12/6	THĂNG LONG 36 (HN 2236)	CÁM 5A.14	4 000	3 984	16	4/6		
	Tàu đã làm lệnh							***39 512***		***39 512***			
1		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	2/6	92/6/NQN	12/6	TB 1696	CÁM 5A.10	1 796		1 796			
2		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	2/6	56/6/NQN	12/6	TĐ 46-3 (HP 3197)	CÁM 5A.10	3 580		3 580			
3		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	2/6	55/6/NQN	12/6	TĐ 05 VT (PT 1057)	CÁM 5A.10	3 020		3 020			
4		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	2/6	86/6/NQN	12/6	HD 2605	CÁM 5A.14	4 000		4 000			
5		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	2/6	87/6/NQN	12/6	BẢO NGỌC 15 (HD 6668)	CÁM 6B.1	5 260		5 260			
6		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	3/6	113/6/NQN	13/6	TĐ 15-1	CÁM 5A.14	2 396		2 396			
7		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	4/6	182/6/NQN	14/6	HD 2276	CÁM 5A.14	3 488		3 488			
8		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	4/6	183/6/NQN	14/6	ITASCO 02	CÁM 6A.14	3 000		3 000			
9		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	4/6	180/6/NQN	14/6	TĐ 26 TT	CÁM 5A.14	3 072		3 072			
10		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	4/6	179/6/NQN	14/6	VTRACO 38	CÁM 5A.14	3 900		3 900			
11		ĐIỆN DUYÊN HẢI (QUANG VINH DIAMOND)XNI	4/6	3 556		CỬA ÔNG 10	CÁM 6A.14	2 100		2 100			
12		ĐIỆN DUYÊN HẢI (QUANG VINH DIAMOND)XNI	4/6	3 556		CẨM PHẢ 20	CÁM 6A.14	3 900		3 900			
X	**KHU VỰC BẮC GIANG, THÁI BÌNH, HẢI DU**							**142 406**	**38 287**	**104 118**			
	Tàu đã làm hàng							***38 639***	***38 287***	***352***			
1		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	1/6	1562/5/NQN	11/6	BÌNH AN 20 (QN 7676)	CÁM 5A.10	2 552	2 463	89	4/6		
2		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	2/6	77/6/NQN	12/6	NB 6339	CÁM 5A.10	4 000	3 833	167	4/6		
3		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	2/6	73/6/NQN	12/6	TB 1515	CÁM 5A.10	2 340	2 316	24	4/6		
4		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	1/6	21/6/NQN	11/6	SÔNG HỒNG 16 (HN 1809)	CÁM 6B.1	3 500	3 484	16	4/6		
5		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	3/6	108/6/NQN	13/6	HẢI LONG 12 (HN 1731)	CÁM 6B.1	5 697	5 694	3	4/6		
6		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	3/6	99/6/NQN	13/6	1 TĐ 51	CÁM 6B.1	2 362	2 356	6	4/6		
7		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	1/6	33/6/NQN	11/6	THĂNG LONG 26 (HN 2268)	CÁM 6B.1	4 170	4 165	5	4/6		
8		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 1/6	1/6	3 491	11/6	HN 2185	CÁM 5A.10	3 100	3 089	11	4/6		
9		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 1/6	1/6	3 491	11/6	MINH HẰNG 238	CÁM 5A.10	3 300	3 295	5	4/6		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
10		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYÊN & CBT KINH MÔ	4/6	153/6/NQN	14/6	HẢI LONG 16 (HN 0259)	CÁM 6B.1	2 554	2 553	1	4/6		
11		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	3/6	127/6/NQN	13/6	THUẬN PHONG 69 (HP 5776)	CÁM 6B.1	5 064	5 040	24	4/6		
	Tàu đã làm lệnh							***103 767***		***103 767***			
1		ĐẠM NINH BÌNH (KDT NINH BÌNH)	1/6	07/6/NQN	11/6	NB 2971	CÁM 5A.10	900		900			
2		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	1/6	12/6/NQN	11/6	TB 1242	CÁM 5A.10	2 206		2 206			
3		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	1/6	1652/5/NQN	11/6	TĐ 27-1	CÁM 5A.10	4 264		4 264			GIA HẠN LẦN 1
4		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	1/6	1651/5/NQN	11/6	NB 8859	CÁM 5A.10	4 488		4 488			GIA HẠN LẦN 1
5		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	1/6	29/6/NQN	11/6	THUẬN PHONG 6068	CÁM 6B.1	5 538		5 538			
6		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYÊN & CBT KINH MÔ	1/6	16/6/NQN	11/6	BẠCH ĐẰNG 16 (HD 5685)	CÁM 6B.1	5 177		5 177			
7		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYÊN & CBT KINH MÔ	1/6	22/6/NQN	11/6	ĐẠI LÂM 01 (HNA 0334)	CÁM 6B.1	4 680		4 680			
8		CP ĐT TỔNG HỢP HÀ NỘI (CP XNK THAN)	1/6	11/6/NQN	11/6	HD 6788	CÁM 6A.10	5 850		5 850			
9		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	2/6	3 516	12/6	HÙNG KHÁNH 68	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
10		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	2/6	3 516	12/6	HÙNG KHÁNH 68	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
11		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	2/6	70/6/NQN	12/6	TB 1399	CÁM 5A.10	5 104		5 104			
12		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	2/6	72/6/NQN	12/6	HẠ LONG 79 (QN 9676)	CÁM 5A.10	3 704		3 704			
13		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	2/6	74/6/NQN	12/6	TĐ 116-2 (NB 2365)	CÁM 5A.10	1 932		1 932			
14		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 2/6	3/6	3 541	13/6	MINH HẰNG 238	CÁM 5A.10	3 300		3 300			
15		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT CẦU ĐUỐNG)	3/6	137/6/NQN	13/6	HD 5588	CÁM 6B.1	5 434		5 434			
16		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT CẦU ĐUỐNG)	3/6	133/6/NQN	13/6	TRƯỜNG AN 18 (QN 7717)	CÁM 6B.1	5 260		5 260			
17		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	3/6	135/6/NQN	13/6	TB 1242	CÁM 5A.10	2 206		2 206			
18		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	3/6	134/6/NQN	13/6	TĐ 85 (QN 5648)	CÁM 5A.10	3 854		3 854			
19		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	4/6	192/6/NQN	14/6	HP 4188	CÁM 6B.1	5 408		5 408			
20		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	4/6	171/6/NQN	14/6	TĐ 86 (QN 7252)	CÁM 5A.10	4 070		4 070			
21		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	4/6	13/6/NQN	14/6	NB 6095	CÁM 5A.10	3 226		3 226			
22		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	4/6	184/6/NQN	14/6	HD 3859	CÁM 5A.10	4 158		4 158			
23		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYÊN & CBT KINH MÔ	4/6	191/6/NQN	14/6	TĐ 08-3	CÁM 6B.1	2 764		2 764			
24		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYÊN & CBT KINH MÔ	4/6	190/6/NQN	14/6	1 TĐ 10	CÁM 6B.1	3 332		3 332			
25		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT CẦU ĐUỐNG)	4/6	197/6/NQN	14/6	NB 6966	CÁM 6B.1	5 068		5 068			
26		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	4/6	186/6/NQN	14/6	TB 1678	CÁM 5A.10	1 944		1 944			
27		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 3/6	4/6	3 574	14/6	HÙNG KHÁNH 999	CÁM 5A.10	3 100		3 100			
XI	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***40 000***		***40 000***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 05 THÁNG 6 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		BỈ	04/6	08/6		ZHENG RUN	CỤC 4A.1	20 000		20 000			
2		BỈ	04/6	08/6		ZHENG RUN	CỤC 5A.1	10 000		10 000			
3		BỈ	04/6	08/6		ZHENG RUN	CÁM 1	10 000		10 000			
XII	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**230 137**	**43 600**	**186 537**			
	Tàu đã làm hàng							***148 000***	***43 600***	***104 400***			
1		MOZAMBIQUE		TMB		MV TOMINI NOBILITY		25 000	24 500	500	BỐC DỠ		TTCO: 15.000 - TTHG: 10.000
2		ÚC		CLM		CL XIANGXI		35 000	10 100	24 900	BỐC DỠ		TTCO: 25.000 - TTHG: 10.000
3		MOZAMBIQUE		KVCP		MV ANTHEMIS		88 000	9 000	79 000	BỐC DỠ		KVCP: 18.000 - KDTMB: 30.000 - CBTQN: 10.000 - TTCO: 15.000 - TTHG: 15.000
	Tàu chưa làm hàng							***82 137***		***82 137***			
1		ÚC		CLM		MAY		22 137		22 137			KVCP: 22.137
2		NAM PHI		CLM		MV THASSOS WARRIOR		35 000		35 000			TTCO: 20.000 - TTHG: 15.000
3		MOZAMBIQUE		CLM		MV EASTERN BUND		25 000		25 000			TTCO: 10.000 - TTHG: 10.000 - KVĐB: 5.000